

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 13/01/2025
Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Quảng.
- Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024; Thông đưa người tham gia tố tụng số 18A/TB - TLVA ngày 24 tháng 5 năm 2024; Quyết định tạm đình chỉ số 01/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2024; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 01/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024; các Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi ngày, giờ mở phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn:

1. Bà Bùi Thị L2, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

2. Anh Ngô Văn Ngh1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu dân cư số x, thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

3. Anh Ngô Văn D1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Công ty TNHH C, xã QT, thành phố TN, tỉnh TN (Tầng 1, chung cư TB, tổ x, phường HVT, thành phố TN, tỉnh TN).

4. Chị Ngô Thị Y1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: : Khu dân cư số x, thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

- Người có quyền lợi Ngh1 vụ, liên quan:

1. Bà Ngô Thị T3, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Tổ x, phường ĐT, thành phố Y, tỉnh Y.

2. Ông Ngô Sỹ T4, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu dân cư số x, thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

3. Ông Ngô Sỹ C1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ x, phường Q, thành phố TN, tỉnh TN.

4. Ông Ngô Văn Gi, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà x, ngõ y, đường HHT, phường LG, quận B, thành phố H.

5. Anh Hoàng Thái V1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xã LV, thành phố TQ, tỉnh TQ.

6. Anh Hoàng Văn V4, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Xã TL, thành phố TQ, tỉnh TQ.

7. Chị Hoàng Thị V3, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ x ĐT, thành phố TQ, tỉnh TQ.

8. Chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1), sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn NX, xã TP, huyện TT, tỉnh T2.

(Bà Ngô Thị L1, ông Ngô Sỹ T4, ông Ngô Sỹ C1, anh Hoàng Thái V1, anh Hoàng Văn V4 có mặt; các đương sự khác đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô Thị L1 trình bày: Bố mẹ bà là cụ Ngô Văn Ch1, sinh 1921 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2, sinh năm 1921 (mất năm 1991). Bố mẹ bà có 09 người con là Ngô S (Đông) H (chết năm 2009); Ngô Thị L2 (mất năm 2008); Ngô Thị T3 (sinh năm 1946); Ngô Thị L1 (sinh năm 1947); Ngô Thị Gi2 (sinh 1951, mất 1953); Ngô Sĩ T4 (sinh năm 1955); Ngô Sỹ C1 (sinh năm 1956); Ngô Văn Gi (sinh năm 1962); Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con). Ông Ngô SH và vợ là Bùi Thị L2 có 03 người con là Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1. Bà Ngô Thị L2 và chồng là Hoàng Văn Việt (chết năm 1998) có 03 người con là Hoàng Thái V1, Hoàng Văn V4, Hoàng Thị V3. Ngoài ra không có con đẻ con nuôi nào khác. Trước khi chết mẹ bà không để lại di chúc, bố bà chết có để lại di chúc là cho bà và anh Ngô SH mỗi người một nửa diện tích đất của bố mẹ bà. Tài sản của bố mẹ bà để lại là thửa đất 447, diện tích 508 m² theo tờ bản đồ 299 do đặc năm 1984 và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên bản đồ 299 tạm đứng tên anh trai bà là Ngô SH, đến bản đồ 1990 mang tên anh trai và bố bà; bố mẹ bà không chia, chuyển nhượng cho ông Hải dưới bất kỳ hình thức nào. Hiện nay trên thửa đất bố mẹ bà để lại, bà sử dụng một nửa khoảng 230 m² đã xây tường gạch ngăn cách, phân đất bà đã sử dụng từ khi bố mẹ bà còn sống. Hiện gia đình bà đã xây dựng tường rào, nhà ở, nhà thờ kiên cố trên phần đất này. Phần nửa còn lại do gia đình ông Ngô SH sử dụng. Tình trạng sử dụng hơn 30 năm qua không có tranh chấp, kể cả khi bà xây dựng tường rào, nhà ở, nhà thờ kiên cố thì anh em và con cháu trong gia đình không ai có ý kiến gì.

Do thời điểm và nhận thức đất đai thời điểm bố bà viết di chúc còn hạn chế, bố bà viết di chúc bằng tay, không có ngày tháng, không có xác nhận của Chính quyền địa phương. Bản di chúc được tất cả các anh em trong gia đình bà thừa nhận là đúng chữ ký chữ viết của bố bà. Ông Hải cũng thừa nhận và sử dụng một nửa đất từ đó đến nay không có tranh chấp gì. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại bà muốn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các con ông Hải không hợp tác ký nhận giúp bà gây khó khăn cho bà. Vì vậy bà làm đơn đề nghị Tòa án T1 giải quyết yêu cầu của bà là chấp nhận di chúc của bố bà là hợp pháp. Công nhận cho bà được giữ nguyên tình trạng sử dụng là $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế do bố mẹ bà để lại tại thửa đất 447, diện tích 508 m² theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

Ngoài gia đình ông Hải thì các anh, chị, em bà đều thống nhất từ chối quyền thừa kế và nhường toàn bộ di sản thừa kế cho bà được hưởng di sản.

Bà Ngô Thị L1 đồng ý với kết quả đo đạc ngày 05/7/2024 của đơn vị đo đạc và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện T1 ngày 05/7/2024.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/10/2024 tại nhà bị đơn là anh Ngô Văn Ngh1, thôn TrNT, xã AN, huyện T1, anh Ngh1 trình bày:

Anh là con trai ông Ngô SH (đã chết năm 2009) và bà Bùi Thị L2. Ông, bà nội anh là cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991). Ông, bà nội anh có 08 người con là Ngô SH (chết năm 2009), Ngô Thị L2 (mất năm 2008), Ngô Thị T3 (sinh năm 1946); Ngô Thị L1 (sinh năm 1947); Ngô Sĩ T4 (sinh năm 1955); Ngô Sỹ C1 (sinh năm 1956); Ngô Văn Gi (sinh năm 1962); Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con). Bố anh là ông Ngô SH có 04 người con đẻ là Bùi Thị L1, Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1, ngoài ra bố anh không có con đẻ, con nuôi hợp pháp nào khác. Di sản thừa kế của ông, bà nội anh để lại là thửa đất 447, diện tích 508 m² theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hiện mẹ anh và bà Ngô Thị L1 đang quản lý, sử dụng, đã xây dựng ranh giới. Nay bà L1 khởi kiện chia thừa kế, quan điểm của anh là thực hiện đúng theo di chúc của ông nội anh và hiện trạng mẹ anh và bà L1 đang sử dụng.

Anh Ngh1 xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm việc và không ký các văn bản của Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/7/2024, người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan là chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1) trình bày:

Chị là con đẻ của ông Ngô SH (đã chết năm 2009) và bà Bùi Thị T5, là vợ đầu của ông H (đã ly hôn từ khi chị 03 tuổi). Ông, bà nội chị là cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991). Ông, bà nội anh có 08 người con là Ngô SH (chết năm 2009), Ngô Thị L2 (mất năm 2008), Ngô Thị T3 (sinh năm 1946); Ngô Thị L1 (sinh năm 1947); Ngô Sĩ T4 (sinh năm 1955); Ngô Sỹ C1 (sinh năm 1956); Ngô Văn Gi (sinh năm 1962); Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con). Bố chị là ông Ngô SH có 04 người con đẻ là Bùi Thị L1, Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1 và vợ hợp pháp là bà Bùi Thị L2. Bà Ngô Thị L2 có 03 người con là Hoàng Thái V1, Hoàng Văn V4, Hoàng Thị V3. Chị không biết việc ông, bà nội chị có để lại di chúc hay không. Nay bà Ngô Thị L1 khởi kiện chia thừa kế, quan điểm của chị là mong muốn gia đình giải quyết theo tình cảm cho hoà thuận. Phân bổ chị được hưởng chị không có ý kiến gì, chị đồng ý nhường lại toàn bộ cho mẹ hai là bà Bùi Thị L2 và các em của chị. Chị đã nhận được các văn bản của Tòa án, nếu gia đình

không hoà giải được vẫn tiếp tục giải quyết tại Toà án thì chị có đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt chị trong toàn bộ quá trình giải quyết tại Toà.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T1, bị đơn là chị Ngô Thị Y1, thôn TrNT, xã AN, huyện T1, chị Y1 trình bày:

Ông nội chị là Ngô Ch1 đã có di chúc thừa kế để lại chia phần đất và ruộng ông, bà có cho bố chị là Ngô SH (đã mất) và cô ruột chị là Ngô Thị L1 (không lấy chồng, đã nghỉ hưu), địa chỉ đất tại xóm x, xã AN, huyện T1. Theo biên bản họp gia đình gồm các cô, chú ruột của chị, chị (đại diện cho gia đình bố chị) tại UBND xã AN, cán bộ chính quyền địa phương, tư pháp, địa chính xã đã nghe nội dung đơn và nghe di chúc của ông chị để lại. Gia đình và chính quyền đi đến thống nhất thực hiện đúng di chúc của ông chị. Ngày hôm sau, chính quyền địa phương vào chia đất và cô chú chị đã xây dựng nhà to, cách đây 04 năm. Nay chị không có ý kiến gì khác, chỉ muốn cấp có thẩm quyền T1 theo quyết định của gia đình và địa phương AN.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/9/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh N, bị đơn là anh Ngô Văn D1, Tầng 1, chung cư TB, tổ x, phường HVT, thành phố N, tỉnh N, anh D1 trình bày:

Anh là con trai ông Ngô SH (đã chết năm 2009) và bà Bùi Thị L2. Ông, bà nội anh là cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991). Ông, bà nội anh có 09 người con là Ngô SH (chết năm 2009), Ngô Thị L2 (mất năm 2008), Ngô Thị T3 (sinh năm 1946); Ngô Thị L1 (sinh năm 1947); Ngô Thị Gi2, chết khi còn nhỏ; Ngô Sĩ T4 (sinh năm 1955); Ngô Sỹ C1 (sinh năm 1956); Ngô Văn Gi (sinh năm 1962); Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con). Bố anh là ông Ngô SH có 04 người con đẻ là Bùi Thị L1, Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1. Di sản thừa kế của ông, bà nội anh để lại là thửa đất 1007, diện tích 430m² đo đạc năm 1990 tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, ngoài ra theo anh được biết thì ông, bà không để lại tài sản gì khác nữa. Nay bà L1 khởi kiện chia thừa kế, quan điểm của anh là anh nhất trí là do ông, bà đã để lại di chúc, không có ý kiến gì khác. Anh đã được Toà án lấy lời khai, do anh ở xa và do công việc, không thể tham gia giải quyết vụ án tại Toà án được. Vậy anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt anh; anh đề nghị Toà án thu thập chứng cứ và xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Anh D1 có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Toà án.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/10/2024 tại nhà người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan là bà Bùi Thị L2, thôn TrNT, xã AN, huyện T1, bà L2 trình bày:

Bà là vợ ông Ngô SH. Bố, mẹ chồng bà là cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991). Bố, mẹ chồng bà có 08 người con là Ngô SH (chết năm 2009), Ngô Thị L2 (mất năm 2008), Ngô Thị T3 (sinh năm 1946); Ngô Thị L1 (sinh năm 1947); Ngô Sĩ T4 (sinh năm 1955); Ngô Sỹ C1 (sinh năm 1956); Ngô Văn Gi (sinh năm 1962); Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con). Ông Ngô SH có 04 người con đẻ là Bùi Thị L1, Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1. Bà Ngô Thị L2, chết năm 2008 có 03 người con là Hoàng Thái V1, Hoàng Văn Vinh và Hoàng Thị V3. Bố, mẹ chồng bà chết để lại di sản là thửa đất 447, diện tích 508 m² theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hiện trạng sử dụng đất do bà sử dụng một phần, bà Ngô Thị L1 sử dụng một phần. Bố, mẹ chồng bà để lại di chúc cho chồng bà và bà L1, mỗi người một nửa. Nay bà L1 khởi kiện chia thừa kế, quan điểm của bà là nếu gia đình chồng bà tôn trọng mẹ con bà, nói chuyện với mẹ con bà thì mẹ con bà sẽ ký để làm thủ tục chia cấp đất. Tuy nhiên, anh, chị, em chồng bà không tôn trọng gia đình bà

nên mẹ con bà mới không ký. Nay bà yêu cầu các anh, chị, em nhà chồng sang nói chuyện với mẹ con bà thì gia đình bà đồng ý ký.

Tại văn bản từ chối nhận di sản thừa kế cùng đề ngày 18/6/2024, những người có quyền lợi, Nghi vụ liên quan là anh Hoàng Thái V1, anh Hoàng Văn V4, chị Hoàng Thị V3 trình bày:

Mẹ đẻ của các anh, chị là bà Ngô Thị L2 (đã mất năm 2008). Ông, bà ngoại của các anh, chị là cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991). Khi chết ông, bà ngoại các anh, chị có để lại di sản là thửa đất 1007, diện tích 430m² đo đạc năm 1990 tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Thửa này do bác các anh, chị là Ngô SH đứng tên nhưng tại di chúc của ông ngoại các anh, chị ghi lại là để lại diện tích đất đó cho bác Ngô SH và di của các anh, chị. Hiện nay thửa đất này do ông Ngô SH và bà Ngô Thị L1 đang chiếm hữu, mỗi người một nửa. Nay gia đình các anh, chị thống nhất chia quyền tài sản của ông, bà ngoại để lại cho mẹ đẻ các anh, chị là hàng thừa kế thứ nhất, nay mẹ các anh, chị đã chết, bác Ngô SH cũng đã chết, di của các anh, chị là bà Ngô Thị L1 đã sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất trên từ lâu. Vì vậy, các anh, chị từ chối nhận di sản thừa kế của ông, bà ngoại là thửa đất nêu trên và chuyển phần tài sản trên cho di của các anh, chị là Ngô Thị L1, các anh, chị đề nghị không tham gia tố tụng và xin phép vắng mặt tại Tòa án. Tại phiên tòa, anh V1 và anh V4 xác định bố các anh đã mất năm 1998, có văn bản của Chính quyền địa phương xác nhận.

Tại các Đơn từ chối quyền thừa kế tài sản, những người có quyền lợi, Nghi vụ liên quan là bà Ngô Thị T3, ông Ngô Văn Gi trình bày:

Bố, mẹ của các ông, bà là cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991). Khi chết bố, mẹ của các ông, bà có để lại di sản là thửa đất 1007, diện tích 430 m² đo đạc năm 1990 tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Thửa này do anh, chị, em ruột của các ông, bà là Ngô SH, Ngô Thị L1 đứng tên. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do ông Ngô SH và bà Ngô Thị L1 đang sở hữu, mỗi người một nửa. Nay gia đình các ông, bà chia thừa kế, là hàng thừa kế thứ nhất, xét thấy tài sản các ông, bà được thừa kế không lớn và các anh, chị, em ruột của ông, bà sử dụng đã từ lâu. Các ông, bà làm đơn xin từ chối quyền thừa kế tài sản, ông, bà không tham gia tố tụng và xin phép vắng mặt tại Tòa án.

Tại các Đơn từ chối quyền thừa kế tài sản, những người có quyền lợi, Nghi vụ liên quan là ông Ngô Sỹ T4, ông Ngô Sỹ C1 trình bày:

Bố, mẹ của các ông là cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991). Khi chết bố, mẹ của các ông có để lại di sản là thửa đất 1007, diện tích 430 m² đo đạc năm 1990 tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Thửa này do anh của các ông, bà là Ngô SH đứng tên (theo ông T4 vì thời gian đo đạc, bố, mẹ ông đều đang ở với ông tại tỉnh Yên Bái nên ông Hải tạm đứng tên). Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy định của pháp luật, các ông được hưởng một phần di sản mà bố mẹ để lại, nay các ông làm đơn từ chối quyền thừa kế và Gí phần thừa kế cho chị gái các ông là bà Ngô Thị L1. Các ông không tham gia tố tụng và xin phép vắng mặt tại Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/10/2024 tại Trụ sở UBND xã AN, huyện T1, tỉnh T2, ông Hoàng Khắc S, C1 bộ tư pháp; ông Phạm Đình T, C1 bộ địa chính và ông Nguyễn Văn T4, Phó Chủ tịch UBND xã cung cấp thông tin như sau:

Cụ Ngô Văn Ch1 (mất năm 1994), cụ Đinh Thị Th2 (mất năm 1991) có 08 người con là Ngô SH (chết năm 2009), Ngô Thị L2 (mất năm 2008), Ngô Thị T3 (sinh năm 1946); Ngô Thị L1 (sinh năm 1947); Ngô Sĩ T4 (sinh năm 1955); Ngô Sỹ C1 (sinh năm 1956); Ngô Văn Gi (sinh năm 1962); Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ

con). Ngoài ra hai cụ không có con đẻ, con nuôi hợp pháp nào khác. Ông Ngô SH và bà Bùi Thị T5 đã ly hôn có 01 người con chung là Bùi Thị L1; ông Ngô SH và bà Bùi Thị L2 có 03 người con chung là Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1, ngoài ra ông Ngô SH không có con đẻ, con nuôi hợp pháp nào khác.

Về nguồn gốc đất tại thửa đất 447, diện tích 508 m² theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2 là của cha ông của gia đình ông Ngô Văn Ch1 để lại.

Theo bản đồ 299, đo đạc năm 1984, thửa đất 447, diện tích 508 m², bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H (loại đất T); theo bản đồ 1990, thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H + Ch1 (loại đất T); diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng diện tích hiện tại là 537,7 m², diện tích tăng so với bản đồ 299, 1990 là do sai số trong đo đạc. Đề nghị Toà án công nhận hiện trạng sử dụng của các thửa đất hiện tại. Hiện nay trên thửa đất trên có bà Bùi Thị L2 và bà Ngô Thị L1 đang quản lý sử dụng và sinh sống.

Do quá trình lưu trữ UBND xã không xác định được nguyên nhân sự khác nhau của chủ sử dụng đất qua các thời kỳ nhưng về nguồn gốc đất là của cha ông của ông Ngô Ch1.

Theo kết quả đo đạc ngày 05/7/2024, tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2: Thửa đất số 447, bản đồ 299, đo đạc năm 1984, diện tích 508m²; theo bản đồ 1990, là thửa đất 1007, có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đo đạc hiện trạng có diện tích là 537,7 m², hiện có 02 người sử dụng:

- Diện tích 233,3 m² có các công trình trên đất gồm: 01 nhà tôn x,2 m², 01 nhà mái bằng 97,2 m², 01 sân 73 m², 01 nhà thờ 51,9 m². Do bà Ngô Thị L1 đang quản lý và sử dụng (ký hiệu S1).

- Diện tích 304,4 m² có các công trình trên đất gồm: 01 nhà mái bằng 54,9 m², công trình phụ 19,8 m², 01 bể nước 6,5 m², 01 sân 65,8 m². Do bà Bùi Thị L2 đang quản lý và sử dụng (ký hiệu S2).

Theo biên bản định giá tài sản ngày 05/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 xác định:

- *Về tài sản trên đất:* Đối với tài sản trên diện tích S1: 233,3 m²: 01 nhà tôn x,2 m² xây dựng năm 2020, giá trị còn lại sau khấu hao là 3.004.421 đồng; 01 nhà mái bằng 97,2m² xây dựng năm 2020, giá trị còn lại sau khấu hao là 408.240.000 đồng; 01 sân lát gạch đỏ 40x40 73 m² xây dựng năm 2020, giá trị còn lại sau khấu hao là 24.822.570 đồng; 01 nhà thờ 51,9m² xây dựng năm 2020 là công trình T3 linh Hội đồng không định giá.

Đối với tài sản trên diện tích S2: 304,4 m²: 01 nhà mái bằng 54,9 m² xây dựng trên 30 năm đã hết khấu hao; công trình phụ 19,8 m² xây dựng trên 30 năm đã hết khấu hao; 01 bể nước 6,5 m² xây dựng trên 30 năm đã hết khấu hao; 01 sân 65,8 m² xây dựng trên 30 năm đã hết khấu hao.

Tổng giá trị tài sản xây dựng trên đất là 436.066.991 đồng.

- *Về tài sản là cây trồng trên đất:* Các đương sự không đề nghị định giá.

- *Về quyền sử dụng đất:* Theo quy định của UBND tỉnh T2 tại thời điểm định giá, giá đất của khu vực định giá là 980.000 đồng/01 m². Cụ thể 537,7 m² x 980.000 đồng = 526.946.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 936.012.991 đồng.

Về chi phí tố tụng, nguyên đơn là bà Ngô Thị L1 có ý kiến tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá.

Về án phí, các đương sự đồng ý chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 phát biểu quan điểm về việc về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 để lại là theo bản đồ 299, đo đạc năm 1984, thửa đất 447, diện tích 508 m², bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H (loại đất T); theo bản đồ 1990, thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H + Ch1 (loại đất T); diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc hiện trạng diện tích hiện tại là 537,7 m², theo hướng chia bằng hiện vật, có tính toán để ổn định kết cấu các công trình trên đất. Chấp nhận việc ông C1, ông T4, các con bà Ngô Thị L2 nhường lại phần di sản thừa kế mà các bà được hưởng cho bà L1; chấp nhận việc bà T3, ông Gi từ chối hưởng di sản thừa kế; chấp nhận việc chị Bùi Thị L1 tự nguyện nhường lại phần di sản thừa kế từ bố chị là ông Ngô SH được hưởng cho bà Bùi Thị L2 và các con của ông Ngô SH. Chấp nhận việc bà Ngô Thị L1 chỉ nhận 233,3 m² đất ở. Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết về án phí, chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan không thống nhất được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế, nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Thông báo đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đưa bà Bùi Thị L2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện, bà Ngô Thị L1 khởi kiện đối với bà Bùi Thị L2, do vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xác định lại tư cách tố tụng của bà Bùi Thị L2 là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thời hiệu: Cụ Ngô Văn Ch1, chết ngày 20/5/1994; cụ Đinh Thị Th2, chết ngày 26/10/1991. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 là ngày 20/5/1994, thời điểm mở thừa kế cụ Đinh Thị Th2 là ngày 26/10/1991. Như vậy, bà Ngô Thị L1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 trong thời hiệu theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 sinh được 08 người con là Ngô SH (chết năm 2009), Ngô Thị L2 (chết năm 2008), Ngô Thị T3 (sinh năm 1946);

Ngô Thị L1 (sinh năm 1947); Ngô Sĩ T4 (sinh năm 1955); Ngô Sỹ C1 (sinh năm 1956); Ngô Văn Gi (sinh năm 1962); Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con). Ông Ngô SH, vợ là Bùi Thị L2 có 03 người con: Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1, ông Hải còn có 01 người con gái với vợ đầu là chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1). Bà Ngô Thị L2 và chồng là Hoàng Văn Việt (chết năm 1998) có 03 người con là Hoàng Thái V1, Hoàng Văn V4, Hoàng Thị V3. Ngoài ra, hai cụ không có con riêng, con nuôi hợp pháp nào khác.

Ngày 20/5/1994, cụ Ngô Văn Ch1 chết; ngày 26/10/1991, cụ Đinh Thị Th2 chết, cụ Th2 không để lại di chúc, cụ Ch1 có để lại 01 bản viết tay thể hiện di nguyện của mình; bố mẹ cụ Ch1 chết trước cụ Ch1, bố mẹ cụ Th2 chết trước cụ Th2. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 là 08 người gồm: Ông Ngô SH, bà Ngô Thị L2, bà Ngô Thị T3, bà Ngô Thị L1, ông Ngô Sĩ T4, ông Ngô Sỹ C1, ông Ngô Văn Gi, ông Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con). Di sản thừa kế để lại là thửa đất 447, diện tích 508 m² theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430 m² tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất trên có tài sản trên đất là nhà ở và một số công trình phụ trợ do bà Bùi Thị L2 (vợ ông Hải) quản lý và sử dụng; nhà ở và một số công trình phụ trợ, 01 nhà thờ do bà Ngô Thị L1 quản lý và sử dụng.

[3.2] Theo biên bản định giá tài sản ngày 05/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 xác định: 01 m² đất ở có giá 980.000 đồng, tổng giá trị tài sản chung là đất ở của cụ Ch1 và cụ Th2 là: 980.000 đồng x 537,7 m² = 526.946.000 đồng. Trên thửa đất di sản thừa kế còn một số tài sản như nhà ở và một số công trình phụ trợ, nhà thờ do bà Ngô Thị L1 quản lý và sử dụng (ký hiệu S1) có tổng giá trị là 436.066.991 đồng; ngoài ra còn có nhà ở và một số công trình phụ trợ do bà Bùi Thị L2 quản lý và sử dụng (ký hiệu S2) đã hết khấu hao. Hội đồng xét xử xét thấy, tài sản trên đất bà Ngô Thị L1 đang ở được hình thành sau khi cụ Ch1, cụ Th2 mất, nên không thuộc di sản thừa kế. Tài sản trên đất bà Bùi Thị L2 đang ở là tài sản do gia đình bà L2 tạo lập, không phải di sản thừa kế.

Do vậy, di sản thừa kế là thửa đất số 447, diện tích 508 m² (loại đất T) theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 mang tên Ngô H và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430 m² (loại đất T), mang tên Ngô H + Ch1 có địa chỉ tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H + Ch1 (loại đất T); diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc ngày 05/7/2024, thửa đất trên có diện tích là 537,7m². Di sản thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 để lại có tổng giá trị là 526.946.000 đồng.

[3.3] Về yêu cầu của nguyên đơn là bà Ngô Thị L1, các bị đơn và những người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan đề nghị công nhận di chúc của cụ Ngô Ch1. Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản của cụ Ngô Ch1 ghi về việc chia đất cho con là ông Hải và bà L1 mỗi người một nửa nhưng không ghi rõ địa chỉ thửa đất nào, ở đâu; văn bản không có ngày, tháng, năm cụ thể, không có người làm chứng, không có chứng thực; việc định đoạt trên của cụ Ch1 cũng vượt quá khi cụ định đoạt cả phần tài sản của vợ cụ là cụ Th2. Vì vậy, theo quy định tại Điều 653 Bộ luật dân sự 2005, di chúc trên của cụ Ch1 là vô hiệu. Cần chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 theo quy định của pháp luật.

[3.4] Theo hàng thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 có 08 người là các ông, bà: Ông Ngô SH, bà Ngô Thị L2, bà Ngô Thị T3, bà Ngô Thị L1, ông Ngô Sĩ T4, ông Ngô Sỹ C1, ông Ngô Văn Gi, ông Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con), trong đó ông Ngô SH (đã mất năm 2009) có vợ là bà Bùi Thị L2 và các con là

Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1), Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1; bà Ngô Thị L2 (đã chết năm 2008) có chồng là Hoàng Văn Việt (chết năm 1998) có 03 người con là Hoàng Thái V1, Hoàng Văn V4, Hoàng Thị V3. Tuy nhiên, bà Ngô Thị T3, ông Ngô Văn Gi, ông Ngô Sĩ T4, ông Ngô Sỹ C1, các con bà Ngô Thị L2 đều từ chối quyền thừa kế tài sản; ông Ngô Sĩ T4, ông Ngô Sỹ C1 và các con bà Ngô Thị L2 có ý kiến trong trường hợp chia thừa kế, phần các ông và các con bà L2 được hưởng đều để lại cho bà Ngô Thị L1.

Tại phiên toà, bà L1, ông T4, ông C1, anh V1, anh V4 có ý kiến là đề nghị công nhận di chúc của bố bà là cụ Ngô Ch1, Gi cho bà phần diện tích bà đang quản lý và sử dụng là 233,3 m² đất và các công trình bà đã xây dựng trên đất (ký hiệu S1); đối với phần diện tích 303,4 m² đất và các công trình đã xây dựng trên đất (ký hiệu S2) đề nghị công nhận cho gia đình ông Ngô SH. Theo bà L1, vì di chúc của bố bà không ghi ngày tháng năm, không có địa chỉ cụ thể của di sản nêu trong trường hợp phải chia thừa kế theo pháp luật thì bà chỉ yêu cầu được nhận phần bà đang sử dụng, phần chênh lệch về diện tích bà Ngô Thị L1 không yêu cầu gia đình bà Ngô Thị L2 phải chia đất hoặc thanh toán cho bà bằng tiền; ông T4, ông C1, anh V1, anh V4 đồng ý với ý kiến của bà L1.

[3.5] Vì hàng thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 có 08 người, tuy nhiên bà Ngô Thị T3, ông Ngô Văn Gi từ chối quyền thừa kế tài sản, ông Ngô ĐT (liệt sĩ không có vợ con) nên chia di sản thừa kế theo pháp luật cho các hàng thừa kế còn lại là 05 suất, gồm: Vợ và các con ông Ngô SH, các con bà Ngô Thị L2, bà Ngô Thị L1, ông Ngô Sĩ T4, ông Ngô Sỹ C1, mỗi suất thừa kế được hưởng phần diện tích đất ở như sau: Diện tích đất ở: $537,7 \text{ m}^2 / 5 = 107,54 \text{ m}^2$. Như vậy mỗi kỹ phần hưởng 107,54m² đất ở tương ứng với 107,54x 980.000 đồng = 105.389.200 đồng.

Xét thấy, các ông T4, C1, các con bà Ngô Thị L2 tự nguyện để lại di sản thừa kế được hưởng cho bà L1, do vậy bà L1 được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế được chia cho các ông T4, C1, các con bà Ngô Thị L2. Như vậy, bà Ngô Thị L1 được hưởng tổng cộng 430,16 m² đất ở, hiện bà L1 đang quản lý và sử dụng 233,3 m² đất ở. Tuy nhiên, tại phiên toà, bà L1 đề nghị bà chỉ nhận 233,3 m² đất ở do bà đang quản lý và sử dụng, phần diện tích chênh lệch 206,86m² đất ở bà tự nguyện để lại cho vợ và các con của ông Ngô SH, bà không yêu cầu vợ và các con của ông Ngô SH phải thanh toán cho bà bằng tiền. Đây là sự tự nguyện của các đương sự cần ghi nhận.

[3.6] Bà Ngô Thị L1 đang sử dụng và đã xây dựng các công trình trên diện tích đất là 233,3m² và gia đình bà Bùi Thị L2 đã xây dựng các công trình trên diện tích đất 303,4m² là di sản thừa kế. Xét thấy, đề thuận lợi cho việc sử dụng đất của bà L1, gia đình bà L2, cần chia di sản thừa kế, cụ thể như sau:

Chia cho bà Ngô Thị L1 phần diện tích đất có nhà ở, các công trình phụ trợ, nhà thờ bà L1 đang trực tiếp sử dụng. Tổng diện tích bà L1 được chia là 233,3m² đất ở (có sơ đồ và tứ cận kèm theo).

Chia cho bà Bùi Thị L2 và các con của ông Ngô SH là các anh, chị: Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1), Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1 phần diện tích đất có nhà ở, các công trình phụ trợ do bà L2 đang trực tiếp sử dụng. Tổng diện tích bà L2 và các con của ông Ngô SH được chia là 304,4m² đất ở (có sơ đồ và tứ cận kèm theo).

Bà Bùi Thị L2 và các con của ông Ngô SH không phải thanh toán phần chênh lệch về giá trị tài sản là quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị L1.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc và án phí:

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc bà Ngô Thị L1 tự nguyện thanh toán toàn bộ, các đương sự khác không phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc.

Án phí dân sự, bà Bùi Thị L2, bà L1, bà T3, ông T4, ông C1, ông Gi, là người cao tuổi, không phải chịu án phí; các con của ông Ngô SH, các con bà Ngô Thị L2 phải chịu án phí, cụ thể:

- Các anh, chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1), Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $105.389.200 \text{đồng} / 5 \times 5\% = 1.053.900 \text{đồng}$.

- Các anh, chị Hoàng Thái V1, Hoàng Văn V4, Hoàng Thị V3 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần di sản thừa kế bà Ngô Thị L2 được chia. Tuy nhiên bà L1 tự nguyện thanh toán thay cho các anh, chị V1, V4, V3 số tiền án phí trên nên các anh, chị V1, V4, V3 không phải chịu án phí, bà Ngô Thị L1 phải chịu số tiền án phí là $105.389.200 \text{đồng} \times 5\% = 5.269.500 \text{đồng}$.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp D1: Các Điều 633, 634, 635, 642, 645, 653, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 68, 147, 157, 165, 623 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L1 về việc yêu cầu công nhận di chúc của cụ Ngô Ch1 có hiệu lực.

1.2. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L1, chia di sản thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 theo quy định của pháp luật:

1.2.1. Xác định di sản thừa kế của vợ chồng cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 là thửa đất số 447, diện tích 508m² (loại đất T) theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 mang tên Ngô H và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430m² (loại đất T), mang tên Ngô H + Ch1 có địa chỉ tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H + Ch1 (loại đất T); diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc ngày 05/7/2024, thửa đất trên có diện tích là 537,7m². Di sản thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 để lại có tổng giá trị là 526.946.000 đồng.

1.2.2. Những người được hưởng thừa kế của cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 gồm: Bà Bùi Thị L2 (là vợ) và các con ông Ngô SH; bà Ngô Thị L1; ông Ngô Sĩ T4; ông Ngô Sỹ C1; các con bà Ngô Thị L2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các ông Ngô Sĩ T4, ông Ngô Sỹ C1, các con của bà Ngô Thị L2 nhường lại toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng của vợ chồng cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 cho bà Ngô Thị L1 sử dụng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1) tự nguyện nhường lại phần di sản thừa kế được nhận từ phần ông Ngô SH được hưởng cho bà Bùi Thị L2 và các con ông Ngô SH và bà Bùi Thị L2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị L1 chỉ nhận phần diện tích bà đang quản lý và sử dụng là 233,3 m², nhường lại phần diện tích được chia và nhận thừa

kế của những người khác là 206,86m² đất ở cho vợ và các con của ông Ngô SH, bà L1 không yêu cầu vợ và các con của ông Ngô SH phải thanh toán cho bà bằng tiền.

1.2.3. Chia thừa kế của vợ chồng cụ Ngô Văn Ch1 và cụ Đinh Thị Th2 bằng hiện vật cho bà Bùi Thị L2 (là vợ) và các con ông Ngô SH là các anh, chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1), Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1; các con bà Ngô Thị L2 là các anh, chị Hoàng Thái V1, Hoàng Văn V4, Hoàng Thị V3; bà Ngô Thị L1, ông Ngô Sĩ T4, ông Ngô Sỹ C1, mỗi suất thừa kế được hưởng 107,54m² đất ở tương ứng với số tiền là 105.389.200 đồng, cụ thể như sau:

- Chia cho bà Ngô Thị L1 được quyền sử dụng 233,3 m² đất ở thuộc thửa số 447, diện tích 508m² (loại đất T) theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 mang tên Ngô H và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430m² (loại đất T), mang tên Ngô H + Ch1 có địa chỉ tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H + Ch1 (loại đất T); diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc ngày 05/7/2024, thửa đất trên có diện tích là 537,7m², ký hiệu S1, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đất ao ông Ngô Văn Lý; phía Nam giáp đường giao thông; Phía Đông giáp đường giao thông; phía Tây giáp đất bà Bùi Thị L2 và các con ông Ngô SH (có sơ đồ kèm theo).

Bà Ngô Thị L1 tiếp tục được sở hữu các tài sản có trên đất được chia là nhà ở, nhà thờ và các công trình phụ trợ khác.

- Chia cho bà Bùi Thị L2 (là vợ) và các con ông Ngô SH là các anh, chị Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1 được quyền sử dụng 304,4 m² đất ở thuộc thửa số 447, diện tích 508m² (loại đất T) theo tờ bản đồ 299 đo đạc năm 1984 mang tên Ngô H và đến tờ bản đồ năm 1990 là thửa đất 1007 có diện tích 430m² (loại đất T), mang tên Ngô H + Ch1 có địa chỉ tại thôn TrNT, xã AN, huyện T1, tỉnh T2, bản đồ và sổ mục kê ghi chủ sử dụng Ngô H + Ch1 (loại đất T); diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc ngày 05/7/2024, thửa đất trên có diện tích là 537,7m², ký hiệu S2, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đất ao ông Nguyễn Văn Tính, ông Ngô Văn Lý; phía Nam giáp đường giao thông; Phía Đông giáp đường giao thông; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Tính và giao thông (có sơ đồ kèm theo).

Bà Bùi Thị L2 và các con ông Ngô SH là các anh, chị Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1 tiếp tục được sở hữu các tài sản có trên đất được chia là nhà ở và các công trình phụ trợ khác.

Bà Bùi Thị L2 và các con ông Ngô SH là các anh, chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1), Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1 không phải thanh toán phân giá trị chênh lệch 206,86 m² đất ở cho bà Ngô Thị L1.

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá, án phí:

Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá: Bà Ngô Thị L1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá (đã thanh toán xong).

Án phí dân sự, bà Bùi Thị L2, bà L1, bà T3, ông T4, ông C1, ông Gi, là người cao tuổi, không phải chịu án phí.

Các anh, chị Bùi Thị L1 (Ngô Thị Đ1), Ngô Văn Ngh1, Ngô Văn D1, Ngô Thị Y1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.053.900 đồng; bà Ngô Thị L1 phải nộp thay các anh, chị Hoàng Thái V1, Hoàng Văn V4, Hoàng Thị V3 số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.269.500 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi Ngh1 vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/01/2025. Bị đơn, những người có quyền lợi Ngh1 vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T2;
- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

